

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án giao đất ở tái định cư cho 21 hộ gia đình bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 18/TTr-HĐBT ngày 27/02/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 194/TTr-STNMT ngày 03/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giao đất ở tái định cư cho 21 hộ gia đình bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn như sau:

- Số lô đất ở tái định cư: 40 lô, tổng diện tích là 5.477,56m² tại Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.

- Tiền sử dụng đất các hộ phải nộp là **18.961.714.600 đồng** (Bằng chữ: *Mười tám tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm mười bốn ngàn, sáu trăm đồng*).

(Cụ thể theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Lô đất tái định cư được giao				Tổng DT được giao	Trong đó		Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Đất ở	Đất vườn	Tổng	Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)		Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)				
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (6) x (8) + (7) x (9)	(11)
I	Các hộ bị thu hồi thửa đất có nhà ở có diện tích đất vườn trong cùng thửa đất bị thu hồi từ 300m² đến 500m²															
1	Đình Chur (chết), con Đình Văn Trung, Đình Văn Minh	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	300,00	450,00	49	TDC-04	ĐS5 (13m)	100,00	240,00	100,00	0,00	2.700.000	4.400.000	270.000.000	
						48d	TDC-04	ĐS5 (13m)	140,00		50,00	90,00	2.700.000	4.400.000	531.000.000	
2	Đào Thanh Long, vợ Huỳnh Thị Lợi	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	338,80	488,80	41	TDC-04	ĐS5 (13m)	100,00	240,00	100,00	0,00	2.700.000	4.400.000	270.000.000	
						40d	TDC-04	ĐS5 (13m)	140,00		50,00	90,00	2.700.000	4.400.000	531.000.000	
3	Mai Hương, vợ Lương Thị Ngọc Mai	Tổ 5, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	357,60	507,60	30	TDC-03	ĐS4 (20m)	142,00	222,00	142,00	0,00	3.480.000	5.400.000	494.160.000	Lô góc
						29d2	TDC-03	ĐS4 (20m)	80,00		8,00	72,00	2.900.000	4.500.000	347.200.000	
4	Trần Thị Tới	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	167,79	448,21	616,00	5d	TDC-05	ĐS6 (13m)	100,00	239,16	100,00	0,00	2.700.000	4.400.000	270.000.000	
						4d1	TDC-05	ĐS6 (13m)	139,16		67,79	71,37	2.700.000	4.400.000	497.061.000	

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Lô đất tái định cư được giao				Tổng DT được giao	Trong đó		Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Đất ở	Đất vườn	Tổng	Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)		Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)				
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (6) x (8) + (7) x (9)	(11)
5	Nguyễn Lưỡng	Tổ 5, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	483,00	633,00	5	TDC-02	ĐS7 (13m)	128,50	247,00	128,50	0,00	2.600.000	4.000.000	334.100.000	
						6	TDC-02	ĐS7 (13m)	118,50		21,50	97,00	2.600.000	4.000.000	443.900.000	
6	Cao Công Chánh	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	486,60	636,60	17	TDC-01	ĐS7 (13m)	100,00	242,52	100,00	0,00	2.600.000	4.000.000	260.000.000	
						18d	TDC-01	ĐS7 (13m)	142,52		50,00	92,52	2.600.000	4.000.000	500.080.000	
7	Vô Lánh, vợ Nguyễn Thị Nga	Tổ 5, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	381,40	531,40	3	TDC-04	ĐS4 (20m)	100,00	240,00	100,00	0,00	2.900.000	4.500.000	290.000.000	
						4d	TDC-04	ĐS4 (20m)	140,00		50,00	90,00	2.900.000	4.500.000	550.000.000	
8	Nguyễn Duy Dũng, vợ Mai Thị Lý	Tổ 5, KV2, P. Ghềnh Ráng	216,95	441,95	658,90	7d	TDC-01	ĐS1 (12,5m)	120,00	260,00	120,00	0,00	2.600.000	4.000.000	312.000.000	
						6d	TDC-01	ĐS1 (12,5m)	140,00		96,95	43,05	2.600.000	4.000.000	424.270.000	
9	Lê Trung Hạnh, vợ Đinh Thị Xuân	Tổ 8, KV2, P. Ghềnh Ráng	295,80	472,20	768,00	42	TDC-04	ĐS5 (13m)	100,00	340,00	100,00	0,00	2.700.000	4.400.000	270.000.000	
						43	TDC-04	ĐS5 (13m)	100,00		100,00	0,00	2.700.000	4.400.000	270.000.000	
						44d	TDC-04	ĐS5 (13m)	140,00		95,80	44,20	2.700.000	4.400.000	453.140.000	

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Lô đất tái định cư được giao				Tổng DT được giao	Trong đó		Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Đất ở	Đất vườn	Tổng	Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)		Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m2)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)				
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	$\frac{(10)}{(6) \times (8) + (7) \times (9)}$	(11)
II	Các hộ bị thu hồi thửa đất có nhà ở có diện tích đất vườn trong cùng thửa đất bị thu hồi trên 500m2 đến 700m2															
1	Phạm Văn Trinh, vợ Nguyễn Thị Hường	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	553,70	703,70	10d1	TDC-05	ĐS6 (13m)	100,00	260,00	100,00	0,00	2.700.000	4.400.000	270.000.000	
						9d1	TDC-05	ĐS6 (13m)	160,00		50,00	110,00	2.700.000	4.400.000	619.000.000	
2	Võ Thị Thảo	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	166,20	564,50	730,70	7	TDC-02	ĐS7 (13m)	110,10	262,76	110,10	0,00	2.600.000	4.000.000	286.260.000	
						8d	TDC-02	ĐS7 (13m)	152,66		56,10	96,56	2.600.000	4.000.000	532.100.000	
3	Trịnh Văn Sáu, vợ Tô Thị Sen	Tổ 5, KV2, P. Ghềnh Ráng	152,40	672,60	825,00	12d1	TDC-03	ĐS7 (13m)	95,47	264,76	95,47	0,00	3.120.000	4.800.000	297.866.400	Lô góc
						13d1	TDC-03	ĐS7 (13m)	169,29		56,93	112,36	2.600.000	4.000.000	597.458.000	
III	Các hộ bị thu hồi thửa đất có nhà ở có diện tích đất vườn trong cùng thửa đất bị thu hồi trên 700m2 đến 1.000m2															
1	Hồ Văn Thông, vợ Võ Thị Lân	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	80,00	731,20	811,20	24d	TDC-05	ĐS6 (13m)	186,50	186,50	80,00	106,50	3.240.000	5.280.000	821.520.000	Lô góc
2	Huỳnh Tấn Dũng, vợ Võ Thị Quyền	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	731,90	881,90	35	TDC-04	ĐS5 (13m)	193,50	279,12	150,00	43,50	2.700.000	4.400.000	596.400.000	
						34d1	TDC-04	Số 6 cũ (15m)	85,62		0,00	85,62	2.700.000	4.400.000	376.728.000	

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Lô đất tái định cư được giao				Tổng DT được giao	Trong đó		Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Đất ở	Đất vườn	Tổng	Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)		Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m2)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)				
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	$\frac{(10)}{(6) \times (8) + (7) \times (9)}$	(11)
3	Mai Ngọc Thắng, vợ Ngô Thị Dung	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	160,00	813,70	973,70	4d	TDC-01	ĐS1 (12,5m)	100,00	280,00	100,00	0,00	2.600.000	4.000.000	260.000.000	
						5d	TDC-01	ĐS1 (12,5m)	180,00		60,00	120,00	2.600.000	4.000.000	636.000.000	
4	Nguyễn Thanh Trị, vợ Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	167,23	872,87	1.040,10	4	TDC-02	ĐS7 (13m)	146,00	278,00	146,00	0,00	3.120.000	4.800.000	455.520.000	Lô góc
						3d	TDC-02	ĐS2 (13m)	132,00		21,23	110,77	2.500.000	3.900.000	485.078.000	
5	Nguyễn Mạnh Tường, vợ Trần Thị Nơi	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	173,22	963,78	1.137,00	43	TDC-05	Số 6 cũ (15m)	177,50	287,61	173,22	4,28	3.240.000	5.280.000	583.831.200	Lô góc
						44d1	TDC-05	ĐS1 (12,5m)	110,11		0,00	110,11	2.600.000	4.000.000	440.440.000	
IV Các hộ bị thu hồi thửa đất có nhà ở có diện tích đất vườn trong cùng thửa đất bị thu hồi trên 1.000m2																
1	Nguyễn Tùy (chết), con Nguyễn Hữu Bình đại diện	Tổ 9, KV2, P. Ghềnh Ráng	80,00	3.801,5	3.881,5	1d	TDC-04	ĐS4 (20m)	235,00	235,00	80,00	155,00	3.480.000	5.400.000	1.115.400.000	Lô góc
2	Đào Văn Hon, Đào Văn Hoàng, Đào Thị Kiều Quy, Đào Thị Tâm, Đào Thị Kim Lập	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	80,00	1.217,3	1.297,3	45d	TDC-04	ĐS5 (13m)	220,00	220,00	80,00	140,00	2.700.000	4.400.000	832.000.000	

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Lô đất tái định cư được giao				Tổng DT được giao	Trong đó		Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Đất ở	Đất vườn	Tổng	Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)		Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m2)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)				
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (6) x (8) + (7) x (9)	(11)
3	Thái Thị Ngọc	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	1.207,4	1.357,4	32d	TDC-04	ĐS4 (20m)	219,33	319,33	150,00	69,33	3.480.000	5.400.000	896.382.000	Lô góc
						31	TDC-04	ĐS4 (20m)	100,00			100,00	2.900.000	4.500.000	450.000.000	
4	Nguyễn Khái (chết), con Nguyễn Mạnh Tường đại diện	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,00	1.064,1	1.214,1	2d	TDC-02	ĐS2 (13m)	176,00	333,80	150,00	26,00	2.500.000	3.900.000	476.400.000	
						1	TDC-02	ĐS2 (13m)	157,80			157,80	2.500.000	3.900.000	615.420.000	
	Tổng cộng		3.239,59	16.904,31	20.143,90				5.477,56	5.477,56	3.239,59	2.237,97			18.961.714.600	